

Số: 150/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định Danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính phải kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh trước khi đưa vào sử dụng trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 61/2026/NĐ-CP quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định Danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính phải kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh trước khi đưa vào sử dụng trong Công an nhân dân.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh, bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng (sau đây viết chung là trật tự, an toàn giao thông); bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống ma túy và phòng, chống tác hại của rượu, bia; khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và nuôi trồng thủy sản;

tần số vô tuyến điện (sau đây gọi chung là phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ) trong Công an nhân dân.

2. Trách nhiệm tập huấn, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân được giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.
2. Đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an; Công an địa phương (sau đây gọi chung là Công an đơn vị, địa phương).
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh, bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải chính xác, khách quan, đồng bộ theo quy định của pháp luật về đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
2. Chỉ đưa vào sử dụng đối với phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật khác có liên quan trong Công an nhân dân.
3. Việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh, bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện bởi tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành tương ứng.
4. Bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ trong quá trình quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

Điều 4. Danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh, bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng trong Công an nhân dân

Ban hành kèm theo Thông tư này các danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh, bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng trong Công an nhân dân, gồm:

1. Phụ lục 1: Danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trước khi đưa vào sử dụng phải được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh theo quy định của pháp luật về đo lường và pháp luật khác có liên quan trong Công an nhân dân.

2. Phụ lục 2: Danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trước khi đưa vào sử dụng phải bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật khác có liên quan trong Công an nhân dân.

Điều 5. Quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

1. Đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ gồm:

a) Cục Cảnh sát giao thông; Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động; Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Thanh tra Bộ Công an; Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; Công an tỉnh, thành phố;

b) Phòng nghiệp vụ hoặc tương đương thuộc đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an quy định tại điểm a khoản này; các phòng nghiệp vụ thuộc Công an cấp tỉnh gồm: Phòng Cảnh sát giao thông; Phòng Cảnh sát cơ động; Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường; Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Phòng Quản lý xuất nhập cảnh; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; Thanh tra Công an cấp tỉnh; Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh; Phòng Hậu cần;

c) Ban, Đội nghiệp vụ được giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính; Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động; Trạm, Đồn Công an; Công an xã, phường, đặc khu.

2. Đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ có trách nhiệm:

a) Quản lý, sử dụng, vận hành phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 61/2026/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này;

b) Lập sổ quản lý, theo dõi việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 61/2026/NĐ-CP bao gồm các nội dung: tên phương tiện, thiết bị; chủng loại phương tiện, thiết bị; số seri phương tiện, thiết bị; ngày trang bị; cơ quan, đơn vị trang bị; tình trạng kỹ thuật của phương tiện, thiết bị khi được trang bị và theo kỳ kiểm tra (nếu có); thời gian hoạt động, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện, thiết bị; việc giao nhận phương tiện, thiết bị trong quá trình sử dụng và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý;

c) Chỉ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khi có quyết định, kế hoạch được người có thẩm quyền phê duyệt; căn cứ kế hoạch được phê duyệt, tổ chức xây dựng và triển khai kế hoạch sử dụng theo định kỳ hoặc ca công tác; trường hợp sử dụng đột xuất thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 61/2026/NĐ-CP;

d) Thực hiện việc giao, nhận phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và dữ liệu thu thập được theo kế hoạch công tác; việc giao, nhận phải được ghi chép trong sổ quản lý, theo dõi việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ;

đ) Thực hiện quy trình quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan, hướng dẫn của Bộ Công an hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất;

e) Không tự ý xóa hoặc làm thay đổi dữ liệu thu thập được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ. Trường hợp bộ nhớ trong, thẻ nhớ của phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đã đầy dữ liệu không thể lưu trữ thêm thì người sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, tiến hành chuyển dữ liệu vào máy tính bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu theo bố trí của đơn vị để lưu trữ tập trung. Việc xóa dữ liệu trong phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thẻ nhớ chỉ được tiến hành sau khi đã lưu trữ dữ liệu vào máy tính của đơn vị và phải được lập biên bản ghi nhận, có chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ;

g) Các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trước khi đưa đi kiểm định, hiệu chuẩn, sửa chữa hoặc có dấu hiệu hư hỏng, gặp sự cố (kể cả thẻ nhớ), phải tiến hành ngay việc lưu trữ dữ liệu vào máy tính của đơn vị; lập biên bản ghi nhận việc lưu trữ, có chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ;

h) Trong quá trình sử dụng, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, so sánh định kỳ theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

i) Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và các thiết bị kèm theo trước khi đưa vào sử dụng của các đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh và báo cáo về Bộ Công an (qua Cục nghiệp vụ theo hệ lực lượng) để theo dõi;

k) Đối với phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ bị hư hỏng, sự cố không thể sử dụng được, Công an cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo kịp thời về Bộ Công an (qua Cục nghiệp vụ theo hệ lực lượng) để theo dõi; các đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh thực hiện tổng hợp, báo cáo theo hệ lực lượng.

3. Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

4. Việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ ngoài thực hiện theo Thông tư này còn phải tuân thủ các quy trình công tác, quy định chuyên ngành theo từng hệ lực lượng.

Điều 6. Tập huấn về chế độ quản lý, bảo quản và quy trình vận hành, thao tác sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

1. Trách nhiệm tổ chức tập huấn

a) Đơn vị nghiệp vụ thuộc cơ quan Bộ Công an tổ chức tập huấn cho Công an đơn vị, địa phương theo hệ lực lượng khi có phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được trang bị lần đầu; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ có công nghệ, quy trình vận hành, thao tác sử dụng mới mang tính đặc thù, yêu cầu phải tập huấn để sử dụng chính xác, thống nhất;

b) Đơn vị được trang bị, được giao quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ có trách nhiệm tổ chức tập huấn định kỳ cho cán bộ, chiến sĩ được giao sử dụng, quản lý phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của đơn vị mình; trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản này;

c) Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức tập huấn định kỳ cho cán bộ, chiến sĩ thuộc Công an cấp xã được giao sử dụng, quản lý phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

2. Nội dung tập huấn bao gồm: Quy trình vận hành, thao tác sử dụng theo hướng dẫn của đơn vị nghiệp vụ thuộc cơ quan Bộ hoặc hướng dẫn của nhà sản xuất; chế độ quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

3. Cơ quan, đơn vị tổ chức tập huấn có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ tập huấn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 61/2026/NĐ-CP, gồm: Kế hoạch, nội dung, thời gian tập huấn; tài liệu tập huấn; danh sách người thực hiện tập huấn; danh sách cán bộ, chiến sĩ được tập huấn; kết quả tập huấn.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 8 năm 2026 và thay thế Thông tư số 67/2024/TT-BCA ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong Công an nhân dân và dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

2. Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đã có kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng cho đến hết chu kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh đó.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp) để được hướng dẫn kịp thời. *lưu*

Nơi nhận

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Các Học viện, trường Công an nhân dân;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03 (10b). *lưu*



BỘ TRƯỞNG

Minh

Đại tướng Lương Tam Quang



PHỤ LỤC I

DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ TRƯỚC KHI ĐƯA VÀO SỬ DỤNG PHẢI ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM, SO SÁNH THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐO LƯỜNG VÀ PHÁP LUẬT KHÁC CÓ LIÊN QUAN TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

(Kèm theo Thông tư số 150/2026/TT-BCA ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Phương tiện đo độ dài.
2. Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới.
3. Phương tiện đo tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh.
4. Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở.
5. Phương tiện đo khoảng cách giữa hai phương tiện giao thông đang chạy.
6. Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh.
7. Phương tiện đo áp suất khí nén.
8. Thiết bị đo hiệu quả phanh xe cơ giới.
9. Phương tiện đo độ ồn.
10. Phương tiện đo nồng độ khí thải.
11. Thiết bị đo cường độ ánh sáng.
12. Phương tiện đo thủy bình.
13. Thước đo chiều cao đầu đấm móc nổi.
14. Thước đo giang cách bánh xe trên một trục.
15. Thước đo đường kính bánh xe.
16. Thước đo gờ lồi, chiều dày đai bánh xe.
17. Đồng hồ bấm giây.
18. Phương tiện đo độ sâu của nước.
19. Phương tiện đo vận tốc dòng chảy.
20. Thiết bị đo vận tốc gió.
21. Phương tiện đo nhanh nước thải, mặt nước.
22. Phương tiện đo nhanh khí thải, không khí.
23. Phương tiện đo nhanh nước.
24. Phương tiện đo hàm lượng bụi trong không khí.
25. Phương tiện đo hàm lượng bụi trong khí thải.
26. Phương tiện đo độ rung.

27. Thiết bị đo tải trọng trục bánh toa xe.
28. Thiết bị đo độ dày vỏ tàu.
29. Phương tiện đo thủ công các thông số môi trường nước, nước thải, khí thải.
30. Thiết bị thử, kiểm tra đầu báo cháy (khí, khói, nhiệt, lửa, tia chiếu).
31. Thiết bị đo khoảng cách bằng tia hồng ngoại.
32. Thiết bị đo lưu lượng chất lỏng.
33. Cân (cân phân tích, cân kỹ thuật, cân thông dụng).
34. Thiết bị đo áp suất (chất lỏng, chất khí).
35. Thiết bị đo điện trở hệ thống chống sét.
36. Thiết bị đo nồng độ khí nguy hiểm cháy, nổ.
37. Thiết bị đo thông số dòng điện và đo điện trở.
38. Thiết bị đo mức chất lỏng trong bình.
39. Thiết bị đo mực nước.
40. Thiết bị đo áp suất không khí dư.
41. Thiết bị kiểm tra vận tốc gió, lưu lượng hút khói.
42. Thiết bị đo nhiệt độ từ xa.
43. Thiết bị đo cường độ âm thanh.
44. Thiết bị đo độ dốc.
45. Thiết bị đo độ dày sơn chống cháy.
46. Thiết bị kiểm tra độ dày đường ống.
47. Thiết bị ghi đo bức xạ.
48. Thiết bị đo độ rơi góc của vô lăng lái xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.
49. Thiết bị đo phóng xạ.
50. Thiết bị đo sóng viba.
51. Thiết bị đo điện từ trường.
52. Thiết bị đo vi khí hậu.
53. Thiết bị phân tích phổ tần số.
54. Thiết bị phân tích tín hiệu thông tin di động và quét mã thông tin di động.
55. Thiết bị đo công suất tần số vô tuyến điện.
56. Thiết bị đo nồng độ bụi.
57. Thiết bị thu/đo tần số vô tuyến điện.
58. Thiết bị đo khoảng cách.
59. Trạm kiểm soát vệ tinh, tần số vô tuyến điện.



PHỤ LỤC II

DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ TRƯỚC KHI ĐƯA VÀO SỬ DỤNG PHẢI BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT KHÁC CÓ LIÊN QUAN TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

(Kèm theo Thông tư số 150/2026/TT-BCA ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Thiết bị ghi âm và ghi hình.
2. Camera nhiệt, máy chụp ảnh nhiệt.
3. Thiết bị đo, thử chất ma túy.
4. Thiết bị đánh dấu hóa chất.
5. Phương tiện đo độ khói.
6. Thiết bị phát hiện giấy tờ, tài liệu giả.
7. Thiết bị trích xuất dữ liệu thông tin từ thiết bị giám sát hành trình.
8. Thiết bị trích xuất dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe ô tô kinh doanh vận tải.
9. Hệ thống giám sát, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông; hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, điều hành giao thông .
10. Bộ máy quét hiện trường.
11. Máy vi tính, máy tính bảng lưu trữ kết quả thu thập được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.
12. Thiết bị trích xuất từ camera vận tải nội bộ.
13. Hệ thống nhận dạng tự động (AIS).
14. Hệ thống truy theo tầm xa (LRIT).
15. Thiết bị trắc địa.
16. Phương tiện phân tích khí thải, không khí.
17. Thiết bị phân tích đất.
18. Thiết bị phân tích chất rắn.
19. Thiết bị phân tích các yếu tố vi sinh vật.
20. Thiết bị thu mẫu môi trường.
21. Thiết bị bảo quản mẫu môi trường.
22. Trạm kiểm định môi trường di động.
23. Thiết bị thu, bảo quản, phân tích mẫu thực phẩm.

18

24. Thiết bị phân tích mẫu thuốc bảo vệ thực vật.
25. Thiết bị phân tích mẫu thuốc thú y.
26. Thiết bị phân tích mẫu phân bón.
27. Thiết bị phân tích hóa chất trong nông nghiệp.
28. Thiết bị phân tích mẫu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản.
29. Thiết bị quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản.
30. Đèn pin tử ngoại.
31. Thiết bị trượt ngang.
32. Thiết bị bay không người lái.
33. Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS).
34. Phương tiện phân tích nước thải, nước mặt và chất lỏng.
35. Phương tiện phân tích nước và chất lỏng.
36. Thiết bị trích xuất dữ liệu thông tin từ thiết bị giám sát hành trình; máy chủ lưu trữ hành trình tàu cá từ thiết bị giám sát tàu cá; thiết bị giám sát hành trình tàu cá; thiết bị xác định vị trí (định vị; định vị vệ tinh).
37. Thiết bị định hướng vô tuyến điện.